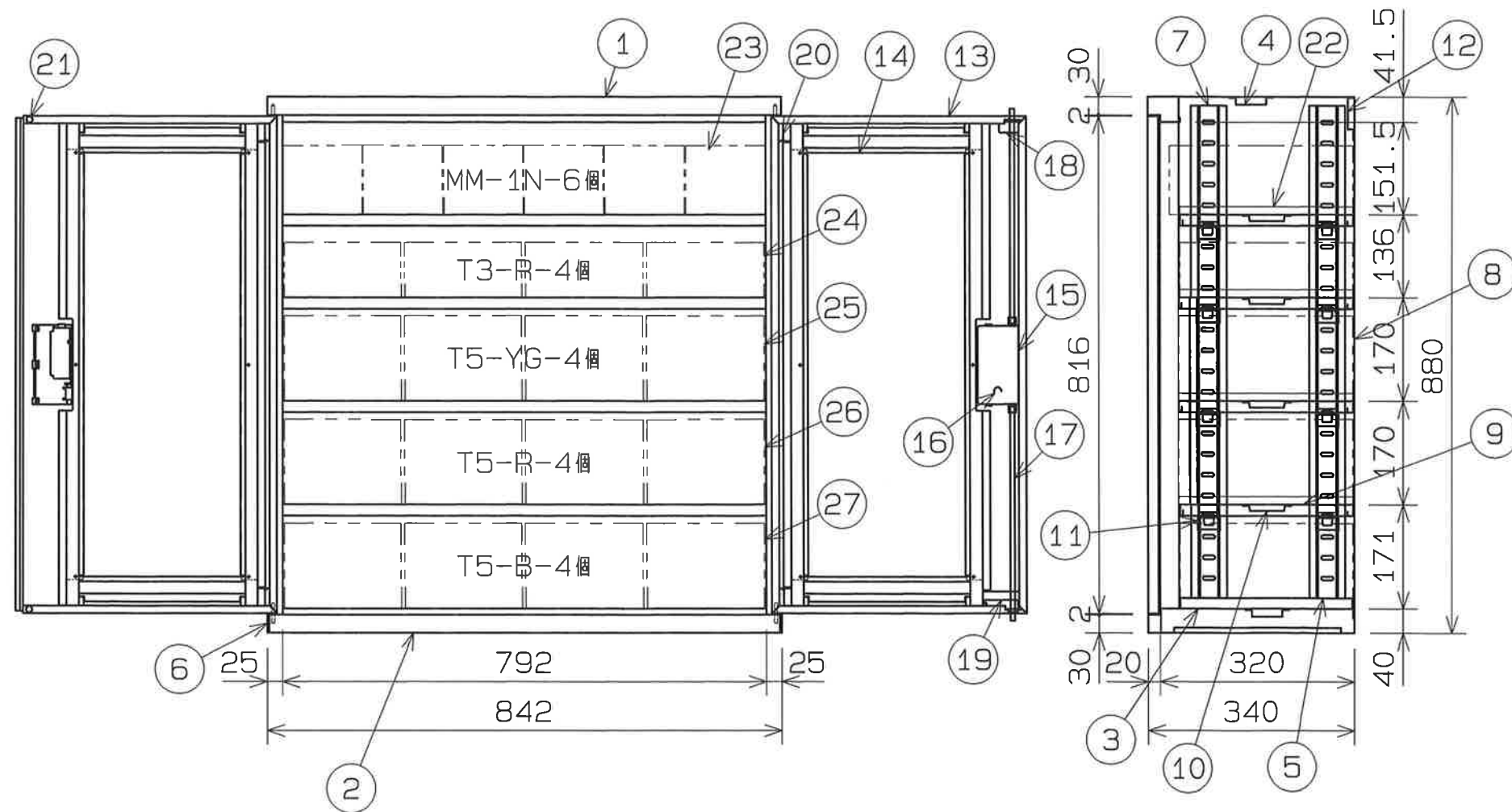




番号	部 品 名	数量	材 質
1	天板	1	SPCC t0.8
2	地前板	1	SPCC t0.8
3	地板	1	SPCC t0.8
4	天・底補強	2	SPCC t0.5
5	地サイト [*] レール	2	SPCC t0.6
6	側板	2	SPCC t0.8
7	シ [*] ャハ [*] ラ	4	SPCC t0.7
8	裏板	1	SPCC t0.8
9	棚板MM-10	4	SPCC t0.7
10	棚板補強	4	SPCC t0.5
11	棚受	16	SPCC t1.2
12	ストッパ [°] -板	1	SPCC t0.6
13	扉板	2	SPCC t0.8
14	アクリル板	2	t3.0×271×710
15	取手	2	ABS樹脂
16	シリンタ [*] -錠	1	ZDC
17	カンヌキ棒	2	L356
18	上部カンヌキ支え扉板	1	SPCC t1.0
19	下部カンヌキ支え扉板	1	SPCC t0.8
20	蝶番	4	SPCC t1.0
21	戸当コ [*] ム	2	コ [*] ム
22	棚板サイト [*] レール	8	樹脂L286
23	ユニット引出MM-1N	6	PP樹脂 (透明)
24	T型コンテナT3-R	4	PP樹脂 (レッド [*])
25	T型コンテナT5-YG	4	PP樹脂 (イエロー [*] グ [*] リーン)
26	T型コンテナT5-R	4	PP樹脂 (レッド [*])
27	T型コンテナT5-B	4	PP樹脂 (フ [*] ルー)

生産工場	656500
納入形態	完成品
塗装色	ニューク [*] レー
大日本塗料製	メラミン焼付
塗料製品名	テ [*] リコン#300-5分艶
マンセル近似値	5Y-7.5/1